

# CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2008 - 2020

(Tiếp theo kì trước)

## ● BAN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC Bộ Giáo dục và Đào tạo

**Đ**ể đảm bảo thực hiện các mục tiêu giáo dục, các giải pháp phát triển giáo dục trong giai đoạn 2008-2020 cần thể hiện các định hướng sau:

- Thể hiện rõ mục đích *tạo động lực, phát huy nguồn lực và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực* cho giáo dục; đồng thời có tính toàn diện và đột phá để thực hiện có hiệu quả tất cả các mục tiêu giáo dục;

- Thể hiện tinh thần *phát huy cao độ nội lực*, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế trong giai đoạn hội nhập;

- *Xác định ưu tiên cho mỗi giai đoạn phát triển của giáo dục.*

### 1. Các giải pháp đổi mới quản lý giáo dục

- Cơ cấu lại hệ thống giáo dục, bảo đảm tính phân luồng rõ rệt và liên thông sau THCS để tạo cơ hội học tập suốt đời cho người học. Sớm hình thành các cơ sở giáo dục mới (trung học nghề, trung học kĩ thuật) và hệ thống các trường cao đẳng cộng đồng 2 năm.

- Thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. Việc quản lý nhà nước đối với hệ thống giáo dục nghề nghiệp sẽ do Bộ GD&ĐT đảm nhận. Thực hiện dần việc bỏ cơ chế Bộ chủ quản đối với các cơ sở đào tạo đại học. Trong thời gian trước mắt, các bộ còn quản lý các trường đại học phải phối hợp với Bộ GD&ĐT xây dựng quy chế quản lý trường đại học.

- Thực hiện phân cấp quản lý mạnh đối với các địa phương và các cơ sở giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục nghề nghiệp và đại học; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm ở các cấp về nội dung đào tạo, tài chính, nhân sự; kiên quyết thúc đẩy thành lập Hội đồng trường ở các cơ sở giáo dục đại học để thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của đơn vị. Tập trung nhiệm vụ quản lý nhà nước vào việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển, triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng, hoàn thiện môi

trường pháp lí, thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, điều tiết cơ cấu và quy mô giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của đất nước trong từng giai đoạn.

- *Đẩy mạnh cải cách hành chính* trong toàn bộ hệ thống quản lí giáo dục, từ cơ quan trung ương tới các địa phương, các cơ sở giáo dục nhằm tạo ra một cơ chế quản lí gọn nhẹ, hiệu quả và thuận lợi cho người dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông nhằm "tin học hóa" *quản lí giáo dục ở các cấp.*

### 2. Các giải pháp xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục

- Để tạo sự cạnh tranh lành mạnh và ý thức phấn đấu trong đội ngũ nhà giáo, tiến tới thực hiện chế độ hợp đồng thay cho biên chế trong quá trình tuyển dụng và sử dụng các giáo viên, giảng viên và các viên chức khác. Năm 2008 bắt đầu thí điểm ở một số trường phổ thông và trường đại học, tới năm 2010 có 100% số giáo viên, giảng viên mới được tuyển dụng làm việc theo chế độ hợp đồng thay cho biên chế. Khuyến khích các cơ sở giáo dục *kí hợp đồng với các nhà giáo, nhà khoa học có uy tín và kinh nghiệm trong và ngoài nước* làm quản lí của cơ sở giáo dục, đào tạo lớn.

- Để đảm bảo đến năm 2020 có đủ giáo viên để thực hiện giáo dục toàn diện, dạy học các môn học tích hợp, dạy học phân hóa, dạy học 2 buổi/ngày ở phổ thông; để đảm bảo tỉ lệ 1,8GV/lớp đối với giáo dục tiểu học; 15HS/GV đối với giáo dục trung học; 16 HS/GV đối với các ngành công nghệ, 20SV/GV đối với các ngành nghề khác trong giáo dục nghề nghiệp; 20SV/GV đối với giáo dục đại học, tiếp tục tăng cường đội ngũ nhà giáo cho các cơ sở giáo dục. Có chính sách miễn giảm học phí, cung cấp học bổng đặc biệt để thu hút các học sinh giỏi vào học tại các trường sư phạm. *Đổi mới toàn diện hệ thống đào tạo sư phạm, từ mô hình đào tạo*



tới nội dung và phương pháp đào tạo nhằm đào tạo đội ngũ giáo viên vững vàng về kiến thức khoa học cơ bản và kỹ năng sư phạm.

- Thực hiện *chương trình đào tạo 20.000 tiến sĩ* từ 2008 đến năm 2020 cho các cơ sở giáo dục đại học, trong đó có khoảng 50% tiến sĩ được đào tạo tại các đại học có uy tín ở nước ngoài. Tập trung giao nhiệm vụ cho một số trường đại học lớn trong nước, đặc biệt là các đại học theo hướng nghiên cứu đảm nhiệm việc đào tạo số tiến sĩ trong nước với sự tham gia của các giáo sư được mời từ những đại học có uy tín trên thế giới.

- Có chính sách khuyến khích thực sự đối với đội ngũ nhà giáo thông qua chế độ đãi ngộ xứng đáng (tiền lương, phụ cấp cho những nhiệm vụ dạy học đặc biệt). Năm 2008 bắt đầu thí điểm để đến 2010 thực hiện việc hiệu trưởng quyết định mức lương cho từng giáo viên, giảng viên dựa trên kết quả công tác của cá nhân ở một số cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.

- Thu hút các nhà khoa học nước ngoài có uy tín và kinh nghiệm, các trí thức Việt kiều tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Việt Nam.

- Rà soát, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục; phấn đấu xây dựng lực lượng cán bộ quản lý tận tâm, thạo việc, có năng lực điều hành; xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với các yêu cầu phát triển giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; có chính sách khuyến khích thực sự đối với đội ngũ cán bộ quản lý thông qua chế độ đãi ngộ xứng đáng.

### 3. Các giải pháp về chương trình và tài liệu giáo dục

- Hoàn thành việc thí điểm chương trình giáo dục mầm non mới vào năm 2008 để chính thức triển khai trên phạm vi toàn quốc từ năm 2010.

- Tiến hành xây dựng, thí điểm, thẩm định để chậm nhất đến năm 2015 áp dụng trên toàn quốc, bắt đầu từ lớp 1, chương trình giáo dục phổ thông mới, theo hướng tích hợp, phân hóa, đẩy mạnh giáo dục quốc phòng, an ninh, tăng cường các hoạt động xã hội của học sinh để bảo tồn các truyền thống văn hóa xã hội, nhằm xây dựng nền học vấn phổ thông cơ bản, vững chắc, phát triển năng lực cá nhân của người học, phù hợp

với điều kiện học tập của mỗi học sinh. Dựa trên chuẩn của chương trình khung quốc gia, xây dựng các *chương trình giáo dục địa phương* phù hợp với nhu cầu và điều kiện tổ chức giáo dục của các vùng, miền, đặc biệt đối với các địa phương có học sinh dân tộc thiểu số. Tổ chức biên soạn một số bộ sách giáo khoa dựa trên chương trình giáo dục phổ thông quốc gia. Các bộ sách sẽ do Bộ GD&ĐT tổ chức thẩm định và trao quyền lựa chọn sử dụng cho các địa phương. Đồng thời, tiếp tục biên soạn các tài liệu hướng dẫn giáo viên, tài liệu tham khảo, đặc biệt chú trọng đến các tài liệu nghe-nhìn, hỗ trợ việc dạy và học.

- Hoàn thành việc thiết kế 200 chương trình khung trình độ đại học và 100 chương trình khung trình độ cao đẳng vào năm 2010 và tăng dần trong những năm tiếp theo. Áp dụng các *chương trình đào tạo tiên tiến của các đại học có uy tín trên thế giới*. Đến năm 2010 có ít nhất 50 chương trình tiên tiến quốc tế được sử dụng tại 10% số trường đại học Việt Nam, tỉ lệ này sẽ là 150 chương trình, 30% số trường đại học vào năm 2020. Một số chương trình sẽ do các giáo sư của các đại học uy tín trên thế giới trực tiếp giảng dạy bằng tiếng Anh. Đối với giáo dục nghề nghiệp, hoàn thành xây dựng 100 chương trình khung TCCN vào 2010, tập trung vào việc phát triển năng lực nghề nghiệp của người học. Đến năm 2010 có 15% và năm 2020 có 50% số cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp áp dụng chương trình tiên tiến quốc tế của các cơ sở đào tạo có uy tín trên thế giới.

- Thực hiện triệt để đào tạo theo học chế tín chỉ trong hệ thống đào tạo. Đến 2015 có 50% và năm 2020 có 100% chương trình giáo dục nghề nghiệp thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ. Bắt đầu từ 2010 tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học sẽ chuyển sang thực hiện theo học chế tín chỉ.

- Thực hiện các *chương trình đổi mới về dạy học các môn ngoại ngữ* trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là chương trình nâng cao hiệu quả dạy, học và sử dụng tiếng Anh, đảm bảo học sinh được học liên tục tiếng Anh từ lớp 3 cho tới giáo dục nghề nghiệp, đại học và đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ quốc tế. Cùng với chương trình môn tiếng Anh với tư cách một môn ngoại ngữ, đến năm 2010 thực hiện dạy học song ngữ Anh-Việt ở một số môn học từ cuối cấp THCS, bắt đầu ở một số địa phương và cơ sở giáo dục

có điều kiện với quy mô tăng dần trong những năm tiếp theo. Đối với giáo dục đại học, thực hiện giảng dạy một số môn học bằng tiếng Anh ở một số trường đại học từ năm 2008 với quy mô và số môn học tăng dần trong những năm sau.

#### **4. Các giải pháp về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**

- Thực hiện đánh giá quốc gia 3 năm/lần và công bố kết quả đánh giá chất lượng học tập của học sinh để toàn xã hội biết rõ chất lượng thực sự của giáo dục phổ thông. Trước mắt, thực hiện đánh giá đối với hai môn Toán và Tiếng Việt (hoặc Ngữ Văn) và từng bước tăng các môn cần đánh giá ở phổ thông; trong giai đoạn đầu thực hiện đánh giá ở các lớp 5, 9 và 11, tiến tới thực hiện đánh giá ở các lớp 3, 5, 7, 9 và 11.

- Biên soạn và phổ biến những tài liệu đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập cho các giáo viên từ mầm non đến giáo dục nghề nghiệp và đại học, *đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy và học*; đến năm 2015 có 40% nội dung giáo dục được cung cấp qua các phương tiện thông tin và truyền thông như: giáo trình điện tử, sách giáo khoa trực tuyến và hệ thống học trực tuyến (E-learning). Đến năm 2015 có 40% giáo viên phổ thông, 50% giáo viên, giảng viên các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và truyền thông vào dạy học; đến năm 2020, các tỉ lệ này là 60% và 80%. Tăng cường thanh tra về đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá. Đảm bảo đến năm 2010 có 30% giáo viên mầm non và giáo viên phổ thông được đánh giá là áp dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học mới; tỉ lệ này là 50% vào năm 2015 và 80% vào năm 2020. Đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, đến năm 2010 có 20% giáo viên và giảng viên được đánh giá là áp dụng có hiệu quả các phương pháp mới; tỉ lệ này là 50% vào năm 2015 và 80% vào năm 2020.

- Để xây dựng môi trường sư phạm bình đẳng trong các cơ sở giáo dục và nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, bắt đầu từ năm 2009 thực hiện việc *học sinh đánh giá giáo viên, sinh viên đánh giá giảng viên, giáo viên đánh giá cán bộ quản lý*.

- Xây dựng một số trung tâm đánh giá kĩ năng nghề, công nhận trình độ của người học, tạo điều kiện cho người lao động được học tập

suốt đời và di chuyển trong thị trường việc làm.

#### **5. Các giải pháp về kiểm định và đánh giá các cơ sở giáo dục**

- Xây dựng hệ thống *tổ chức kiểm định độc lập chất lượng giáo dục*

- Triển khai kiểm định các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập, công bố công khai kết quả kiểm định trên các phương tiện truyền thông. Đến năm 2015 có 15% số cơ sở giáo dục mầm non, 25% số trường tiểu học, 50% số trường trung học, 50% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 90% số cơ sở giáo dục đại học được kiểm định ít nhất một lần; đến năm 2020 có 70% số cơ sở giáo dục mầm non, 90% số cơ sở giáo dục phổ thông, nghề nghiệp và 100% cơ sở giáo dục đại học được kiểm định và tái kiểm định.

- *Tổ chức xếp hạng* các cơ sở giáo dục đào tạo và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

#### **6. Các giải pháp xã hội hóa giáo dục**

- Xây dựng cơ chế học phí mới nhằm đảm bảo sự chia sẻ hợp lí giữa Nhà nước, người học và các thành phần xã hội. Đối với giáo dục mầm non và phổ thông ở các trường công lập, ngân sách Nhà nước (NSNN) là nguồn tài chính chủ yếu để đảm bảo chi phí của quá trình đào tạo. Đối với giáo dục nghề nghiệp và đại học ở các trường công lập, người học có trách nhiệm chia sẻ một phần quan trọng chi phí đào tạo. Các cơ sở giáo dục đào tạo ngoài công lập phải tuân thủ các quy định về chất lượng của Nhà nước và tự quyết định mức học phí.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập để đảm bảo tỉ lệ sinh viên đại học và cao đẳng ngoài công lập là 20% năm 2010, 30% năm 2015 và 40% năm 2020; nâng tỉ lệ học sinh học nghề (ngắn hạn và dài hạn) ngoài công lập lên khoảng 60% vào năm 2020. Xây dựng các chính sách cụ thể hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập cả ở đại học, dạy nghề và phổ thông, trước hết về đất đai và vốn vay. Xác định rõ ràng, cụ thể các tiêu chí thành lập cơ sở giáo dục, bảo đảm chất lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và các tổ chức kinh tế-xã hội tham gia vào công tác thành lập trường theo quy hoạch phát triển của Nhà nước.

#### **7. Các giải pháp tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục**



- Hoàn thành việc xây dựng chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất trường học cho tất cả các loại hình cơ sở giáo dục nhằm đảm bảo những điều kiện vật chất cơ bản thực hiện việc đổi mới quá trình dạy học. Trong đó, chú trọng đến quy mô giáo dục; chuẩn hóa phòng học, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, bảng, bàn ghế... Tiêu chuẩn hóa thiết bị dạy học ở các cấp học, đặc biệt là đồ chơi an toàn cho trẻ em.

- Quy hoạch lại quỹ đất để xây dựng mới trường học hoặc mở rộng diện tích đất cho các trường phổ thông, dạy nghề và các trường đại học đạt tiêu chuẩn tối thiểu nhằm thực hiện nhiệm vụ giáo dục, trong đó ưu tiên đầu tư *quỹ đất để xây dựng một số khu đại học trọng điểm.*

- Đẩy mạnh chương trình kiên cố hóa trường học, ưu tiên cho giáo dục vùng sâu, vùng cao, vùng khó khăn, bảo đảm đủ phòng học cho mẫu giáo 5 tuổi, cho giáo dục tiểu học và THCS học 2 buổi/ngày. Đến năm 2020 không còn phòng học tạm ở tất cả các cấp học, 100% trường phổ thông được nối mạng Internet và có thư viện.

- Xây dựng hệ thống thư viện điện tử dùng chung và kết nối giữa các trường đại học trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế. Xây dựng một số phòng thí nghiệm hiện đại ở các trường đại học trọng điểm.

### 8. Các giải pháp gắn đào tạo với nhu cầu xã hội

- Tập trung đầu tư xây dựng một số trung tâm phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực nhằm cung cấp số liệu và cơ sở khoa học cho việc hướng nghiệp, xây dựng chương trình, lập kế hoạch đào tạo nghề nghiệp. Trong năm 2009 sẽ xây dựng hai trung tâm quốc gia đặt tại Bộ GD&ĐT và Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội với sự hỗ trợ kĩ thuật của các đại học quốc tế có uy tín và kinh nghiệm.

- Nhằm thực hiện có hiệu quả việc cung cấp nhân lực trực tiếp cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, quy định trách nhiệm và cơ chế phù hợp để các doanh nghiệp đóng góp phí đào tạo đối với các lĩnh vực doanh nghiệp sẽ sử dụng nhân lực được đào tạo, khuyến khích mở các cơ sở giáo dục đại học trong các doanh nghiệp lớn.

### 9. Các giải pháp hỗ trợ giáo dục đối với các vùng, miền và người học được ưu tiên

- Xây dựng và thực hiện cơ chế học bổng, học phí, tín dụng cho học sinh, sinh viên nhằm đảm bảo không có thanh, thiếu niên nào không được học vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Cấp học bổng cho những học sinh, sinh viên ở vùng khó khăn và các học sinh, sinh viên đạt thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu.

- Cung cấp sách giáo khoa và học phẩm miễn phí, hoặc giảm giá bán sách giáo khoa và học phẩm cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoặc sinh hoạt và học tập tại các địa phương khó khăn.

- Triển khai mạnh các chương trình đào tạo nghề cho nông dân để tham gia hội nhập kinh tế.

### 10. Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ trong các cơ sở nghiên cứu và đào tạo

- Tổ chức một số trường đại học theo hướng nghiên cứu. Đến năm 2010 có 14, năm 2015 có 25 và năm 2020 có 30 trường đại học theo hướng nghiên cứu cơ bản.

- Tăng cường gắn kết giữa NCKH với nhu cầu xã hội thông qua việc hình thành các liên kết giữa các viện nghiên cứu, các trường đại học với các doanh nghiệp. Nguồn thu của các trường đại học từ các hoạt động khoa học-công nghệ sẽ chiếm giữ một tỉ lệ quan trọng trong tổng nguồn thu của một cơ sở giáo dục đại học, đạt 5% vào năm 2010, 15% vào năm 2015 và 20% vào năm 2020.

- Tập trung đầu tư cho các cơ sở nghiên cứu khoa học mũi nhọn. Đến năm 2020, xây dựng 10 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia trong hệ thống trường đại học trọng điểm.

### 11. Các giải pháp xây dựng các trường đại học đạt trình độ quốc tế

- Tập trung đầu tư nhà nước và sử dụng vốn vay ODA để xây dựng một số trường đại học Việt Nam đạt trình độ quốc tế. Đến năm 2015 sẽ hoàn thành việc xây dựng 4 trường đại học Việt Nam đạt trình độ quốc tế.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho việc mở các trường đại học 100% vốn nước ngoài ở Việt Nam.

(Còn nữa)

### SUMMARY

The article presents some measures to be taken to develop Vietnamese education in the period of 2008-2020.